

- *Tnú là một anh hùng đích thực*. Cụ Mết rất tự hào nói về anh:

“Nó là người Strá mình – Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối

làng ta”. Yêu cách mạng và khao khát tự do. Tnú đã vào rừng bảo vệ, tiếp tế cho cán bộ hoạt động bí mật.

Tnú học chữ để

mai sau thay anh Quyết làm cán bộ. Dũng cảm và mưu trí lúc vượt thác, lúc cắt rừng đi liên lạc. Trung thành và bất khuất. Nuốt thư bí mật khi bị địch bắt. Giặc tra tấn bắt khai ai là cộng sản, Tnú đặt tay lên bụng mình, nói: “Ở đây này”. Tnú sống

với niềm tin: “Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn”. Tnú vượt ngục trở về làng, đọc thư tuyệt mệnh của anh Quyết

cho lũ làng nghe rồi anh đi lên núi Ngọc Linh lấy một gùi đá mài đem về để dân làng Xô Man mài giáo, mác, dùi, rựa, chuẩn bị khởi nghĩa. Cuộc chiến đấu mới bắt đầu thì vợ con anh bị giặc đập chết. Cứu mẹ con Mai không được, anh bị giặc bắt trói bằng dây rừng, bị giặc đốt mười ngón tay bằng nhựa xà nu thành mười ngọn đuốc.

Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy

ở bụng, nhưng lắm liệt, khí phách: hiên ngang. Tnú không thềm kêu van!

Tnú là một dũng sĩ kiên quyết đánh địch đến cùng. Núi rừng đã đốt lửa lên rồi! Mười ngón tay, ngón nào cũng cụt một đốt, nhưng còn hai đốt vẫn cầm giáo, bắn súng được, anh đã lên đường đi tìm cách mạng, gia nhập Giải phóng quân, đi tìm những thằng Dục ác ôn để trả thù cho mẹ con Mai, cho lũ làng. Tnú đã chiến đấu dũng cảm, đã xung phong xuống hầm ngầm, dùng

tay bóp chết tên chỉ huy, cũng là một thằng Dục khát máu. Anh nhớ làng, anh xin phép về thăm làng một đêm rồi anh lại ra đi chiến đấu!

Nguyễn Trung Thành, với khuynh hướng sử thi đã khắc họa Tnú mang bao phẩm chất anh hùng lắm liệt.

Tnú đi tiếp trong

“Đất nước đứng lên”. Màu sắc núi rừng và hơi hướng Tây Nguyên như ánh hào quang tỏa chiếu dũng sĩ Tnú.

Kết luận

Hình tượng rừng xà nu, hình ảnh những dũng sĩ anh hùng trong truyện “Rừng xà nu” là hình ảnh đất nước và con người Việt

Nam kiên cường, bất khuất trong thời đại Hồ Chí Minh vừa đậm đà hơi hướng và cảnh quan hùng vĩ Tây Nguyên. Tác phẩm

đào sâu cảm hứng sử thi hào hùng. Những anh hùng dũng sĩ như cụ Mết, Tnú, Mai, Dít,... đại diện cho cộng đồng, chiến đấu

và hy sinh vì sự sống còn của cộng đồng, gắn bó với lịch sử cộng đồng, được khắc họa bằng những hình ảnh chói lọi, với một giọng văn hào hùng, say mê, trang trọng, tạo nên những trang văn tráng lệ mang âm hưởng anh hùng ca.

Truyện “Rừng xà nu” thể hiện nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn của Nguyễn Trung Thành vừa trang nghiêm thần kỳ, vừa đầy chất thơ tráng lệ./.

Tác giả

Họ và tên: *Nguyễn Hoàng Ca*, bút danh là *Nguyễn Ngọc Tấn*, *Nguyễn Thi*. Sinh năm 1928 tại Nam Định. Vào Sài Gòn

từ nhỏ. Là nhà văn quân đội, hy sinh trong cuộc Tổng tiến công tết Mậu Thân, tại mặt trận Sài Gòn (1968).

Tác phẩm: Trăng sáng (1960), Đôi bạn (1962), “Người mẹ cầm súng”, “Những sự tích ở đất thép”, “Mẹ vắng nhà”,

“Những đứa con trong gia đình”,...

Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Thi đậm đà màu sắc dân gian mà hiện đại, lối kể chuyện tự nhiên như cách cảm, cách

nghĩ của người nông dân Nam Bộ; nhân vật được trình bày trong mối quan hệ phức tạp và sự vận động phát triển đầy ấn tượng: trẻ trung, bộc trực, mãnh liệt đáng yêu.

Tóm tắt

Việt quê ở Bến Tre. Chị gái là Quyết Chiến, hai chị em cùng đi bộ đội một ngày. Trong một trận đánh lớn trong rừng cao su, Việt dùng thủ pháo diệt một xe bọc thép Mĩ. Nhưng Việt đã bị thương nặng, ngất đi trên chiến trường, bị lạc đơn vị ba ngày đêm. Tỉnh rồi lại mê, mê rồi lại tỉnh, anh nhớ lại những kỷ niệm vui, buồn tuổi thơ, nhớ lại ba má, anh chị em, nhớ chú Năm. Cả ba lần má đều hy sinh trong chiến tranh. Việt và chị Chiến ra đi đánh giặc để báo thù cho ba má, để giải phóng quê hương, tiếp tục trang sử anh hùng của gia đình. Anh Tánh dẫn tiểu đội đi tìm Việt suốt 3 ngày, mấy lần đụng địch, lục soát mặt trận dài đặc mới gặp được Việt và đưa về bệnh viện quân y. Lúc vết thương sắp lành, anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến.

Chủ đề

Ca ngợi khí thế ra trận và khí phách anh hùng của tuổi trẻ miền Nam trong thời chống Mĩ. Đánh giặc để trả thù nhà cũng là để giải phóng quê hương.

Nhân vật

1. Chiến là đứa con gái không khác mẹ tí nào: gan góc, đã nói là làm, chăm chỉ, đảm đang, tháo vát. Ba má hy sinh rồi, là chị gái trong nhà nên sớm biết lo toan, thu xếp việc nhà, gửi bàn thờ má... trước lúc ra trận. Tuy có lúc còn tranh giành với em, nhưng rất thương em, hay nhường em. Chiến ra trận với lời thề quyết chiến: “Nếu giặc còn thì tao mất, vậy à!” Chú Năm khen ngợi: “Khôn! Việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mở được rộng, gọn bề gia thế, đặng bề nước non”.

2. Việt là một thằng nhỏ gan, ra trận khi mới 17 tuổi. Hồn nhiên, hiếu động, rất thương chị nhưng hay tranh giành với chị, không sợ Mĩ mà lại sợ ma... Rất yêu thương đồng đội. Dũng cảm ngoan cường trong chiến đấu, dùng thủ pháo diệt xe bọc thép Mĩ. Bị thương nặng, mặt mũi chân tay đẫm máu, mắt bị thương không nhìn thấy được, đói khát; chỉ còn một viên đạn đã lên nòng, sẵn sàng tử chiến với giặc. Rất thương ba má, nung nấu mối thù nhà, quyết đánh giặc để trả thù cho ba má, để giải phóng quê hương. Việt là đứa con yêu quý của gia đình. Câu hò của chú Năm gửi gắm bao tình cảm tốt đẹp đối với Việt: “khi thì Việt biến thành tấm áo vá quàng hoặc con sông dài cá lồi của chú, khi thì Việt biến thành người nghĩa quân Trương Định, ngọn đèn biển Gò Công, hoặc ngôi sao sáng ở Tháp Mười”.

Đoạn văn hay nhất, đậm chất chữ tình, hàm chứa chiều sâu triết lí

... “Con sông nào ở nước ta cũng đẹp, lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn rộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về một biển, mà biển thì rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta”.

Tác giả

Nguyễn Minh Châu là nhà văn quân đội. Quê ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, sinh năm 1930, mất năm 1989. Tác phẩm đầu tay: “Cửa sông” (1967). Các tác phẩm khác: “Những vùng trời khác nhau” (1970), “Dấu chân người lính” (1972)... “Bến quê” (1985), “Cỏ lau” (1983),...

Nguyễn Minh Châu được coi là một trong những cây bút tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học của ta những năm gần đây...

Xuất xứ

Truyện ngắn **“Mảnh trăng cuối rừng”** rút từ tập truyện ngắn **“Những vùng trời khác nhau”**, xuất bản năm

1970.

Tóm tắt truyện

Chuyến xe đêm nay đưa hàng ra tiền phương, Lâm được phép chỉ huy trả hàng xong, rẽ đến thăm chị gái và người yêu ở

đơn vị thanh niên xung phong. Thật phiền hà, trên xe lại có một cô gái đi nhờ xe lên cầu Đá Xanh, cô ta đi gặp người yêu! Cô

gái xinh đẹp cũng tên là Nguyệt như tên người yêu của anh. Trăng đầu tháng, mảnh trăng cuối rừng dát lên con đường chiến lược. Trăng sáng chiếu vào khung cửa xe, làm cho khuôn mặt cô gái ngời lên vẻ đẹp lạ thường. Quá nửa đêm, xe đến ngầm.

Cô gái không xuống xe đi về đơn vị, cô đã giúp Lâm đưa xe vượt ngầm. Máy bay giặc từng đàn ào tới ném bom thả pháo sáng, bắn 20 li đò lừ. Cô gái bị hơi bom xô ngã dúi, nhưng cô đã dùng cảm đây chàng lái xe vào chỗ nấp còn mình đứng che chắn phía ngoài. Chiếc xe bén lửa. Hai người vừa dập lửa vừa cho xe phóng lên. Nguyệt phải dò đi trước dẫn đường. Vượt khỏi trọng điểm, Lâm mới biết Nguyệt bị thương, máu chảy đỏ cả cánh tay áo xanh. Cô ướt như một con công vừa tắm thể

mà vẫn cười rất tươi. Trong lòng anh lái xe trẻ dấy lên một tình yêu Nguyệt gần như mê muội lẫn cảm phục. Cô gái chia tay

Lâm đi ngược lại phía ngầm...

Chuyến ấy giao hàng xong, đã quá muộn, Lâm lỡ hẹn. Chuyến xe sau, anh mới vào thăm chị gái. Anh mới biết cô gái đi nhờ

xe đêm ấy chính là người yêu từng hẹn ước...

Chủ đề

Tâm hồn trong sáng, tình yêu thủy chung, dũng cảm chiến đấu là phẩm chất cao đẹp của người con gái Việt Nam trong những năm đánh Mỹ ác liệt.

Cô gái thanh niên xung phong: Nguyệt

- Duyên dáng, hồn nhiên, đẹp: “đôi gót chân bóng hồng”, “mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao”, “Khuôn mặt tươi mát, ngời lên và đẹp lạ thường dưới ánh trăng... Cách ăn nói và đối đáp rất chững chạc, đàng hoàng, tự tin.

- Rất tình nghĩa: người đi nhờ xe trở thành bạn đường rồi lúc đưa xe ra ngầm trở thành đồng đội chiến đấu.

Câu nói: “Anh

đã cho em đi nhờ xe, lúc khó khăn lại bỏ anh ư?” thể hiện một tấm lòng và cách ăn ở thủy chung tình nghĩa.

- Dũng cảm, lạnh lợi, quyết đoán. Biết là giặc ném bom tọa độ. Bom nổ cô đã đẩy Lâm vào chỗ nấp, còn mình đứng chắn

phía ngoài. Lúc lội qua ngầm buộc tời giúp Lâm kéo xe lên. Lúc chỉ đường cho xe chạy trong bom đạn. Đến quãng khó và tối

thì cô “nhảy xuống đi dò trước” làm lộ tiêu cho Lâm lái xe vượt lên thoát hiểm. Một câu nói cao cả, thiêng liêng: “Anh bị

thương thì xe cũng mất, anh cứ nấp đó”.

- Bị thương mà vẫn bình tĩnh lạc quan, vẫn tươi cười: “Anh cứ yên tâm vết thương chỉ sướt da thôi. Từ giờ đến sáng, em có thể đi lên tận trời được”.

- Bị thương, bị ướt mà vẫn đẹp như con công mới tắm. Và cô đã làm dấy lên trong lòng chàng lái xe *“một tình yêu*

Nguyệt gần như mê muội lẫn cảm phục”.

- Tình yêu: hứa hôn một cách lãng mạn, đợi chờ thủy chung, đi trong cảnh bom đạn đến điểm hẹn gặp người yêu chưa hề

gặp mặt!. “Trong tâm hồn người con gái bé nhỏ, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy,

bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?”

- Đúng như chị Tịnh đã nói: “Trên đời khó tìm được một người con gái như thế!” Vậy, cô Nguyệt tiêu biểu cho những phẩm chất cao đẹp gì của người con gái Việt Nam thời đánh Mĩ?

Một không gian nghệ thuật thơ mộng, lãng mạn, tráng lệ

- Con đường chiến lược đầy bom đạn trở thành con đường trăng, con đường lúa đôi đi tìm hạnh phúc: “Xe tôi chạy trên lớp sương bông bênh. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trăng... Từng khúc đường trước mặt cũng thếp từng mảnh ánh trăng...”. Đó là vàng trắng và thiếu nữ. Thiếu mảnh trăng, câu chuyện tình này kém hay, thiếu hẳn vẻ đẹp lãng mạn.

- Tiếng chim “bắt cô trói cột” mơ hồ, gần xa của đôi trống, mái gọi nhau suốt đêm giữa rừng già – cũng đầy chất thơ.

Nguyệt và Lâm cũng đang *đuổi bắt*, và *kiếm tìm* người bạn tình trong bom đạn, khác nào đôi chim trống mái kia? “Trên đầu chúng tôi, khoảng trời đêm trên cao nguyên trở nên trong vắt, cao lồng lộng, trong khoảng sâu thẳm nổi lên một tiếng chim mơ hồ”...

Cảnh tượng đoàn xe xích kéo pháo 57 mới khỏe làm sao. Đường sá, núi non cứ rung chuyển ầm ầm. Đúng là cảnh tượng hùng vĩ, tráng lệ: “Đường ra trận mùa này đẹp lắm!...”

- Thiếu chi tiết ấy, truyện ngắn này sẽ trở nên sơ lược, tầm thường!

Tác giả

Mac Tuên (1835 – 1910) là bút danh của S.L Clemonx. Tuổi thơ gắn liền với dòng sông Mixixipi. 12 tuổi bước vào cuộc đời phiêu bạt kiếm sống: làm thủy thủ, đi tìm vàng, làm phóng viên, viết văn, đi nhiều nơi ở châu Mĩ La tinh và sang cả châu Âu.

Sử dụng ngôn ngữ dân gian và chất hài hước đặc biệt Mĩ với cảnh sắc miền Tây là nét đặc sắc nghệ thuật của Mac Tuên.

Tác phẩm nổi tiếng nhất: *Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo* (1876) và *Những cuộc phiêu lưu của Hắc Fin* (1884).

Cảm nhận của anh (chị) sau khi đọc “Mãi mê chinh chiến và yêu đương” trong truyện “Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo” (Mac Tuên)

“*Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo*” (1876) và “*Những cuộc phiêu lưu của Hắc Fin*” (1884) là 2 tác phẩm đặc sắc, độc đáo của nhà văn Mac Tuên (1835 – 1910). Màu sắc dân dã bình dị trong ngôn ngữ, chất hài hước đặc biệt Mĩ, “nhân vật truyền thống của miền Tây” đã tạo nên tính hấp dẫn và vẻ đẹp văn chương của Mac Tuên. Tinh thần phiêu lưu mạo hiểm, thái độ chống chế độ phân biệt chủng tộc, cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ và không khí kì ảo của miền Tây là những nét nổi bật tính chất Mĩ trong các tiểu thuyết của nhà văn danh tiếng này.

Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo, của Hắc Fin như đã làm sống lại những năm tháng lưu lạc, phiêu bạt của Mac Tuên

bên dòng sông Mixixipi hơn 150 năm về trước. Tác phẩm “*Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo*” gồm có 35 chương và

một lời bạt. “*Mãi mê chinh chiến và yêu đương*” là chương thứ 3 của truyện. Trong chương này, tác giả kể lại cuộc phiêu

lưu của Tom Xoyo: phiêu lưu đánh trận giả và phiêu lưu trong tình yêu với người đẹp của thị trấn Xên Pitoxbo. Bằng một

giọng kể hóm hỉnh, vừa cảm thông vừa giễu cợt, Mac Tuên đã đưa độc giả trở về sống với thế giới tuổi thơ nhiều mộng tưởng

và thích phiêu lưu của thiếu niên miền Tây nước Mĩ giữa thế kỷ thứ 19.

Tom Xoyơ là một đứa trẻ hiếu động, tinh nghịch, thích phiêu lưu, ở với bà dì tuy thương cháu nhưng rất khó tính. Bạn của Tom là những đứa trẻ rất ham chơi. Sáng nay, Tom đã lập mưu trốn được dì Poly để đi “chinh chiến”. Chú giả vờ đi vòng khu nhà mình rồi rẽ quặt vào một con đường nhỏ lầy lội phía sau chuồng bò của dì Poly. Sỗ lông! Chú chẳng còn sợ “bị bắt” và bị “trừng phạt” nữa, chú oai vệ đi về bãi chiến trường “khu đất rộng trong làng”. Chiến binh dưới quyền đang chờ vị tướng chỉ huy tới. Hai đại đội “chiến binh”, một do Tom chỉ huy, một do Jô Harpơ cầm đầu sẽ giao chiến. Hai vị đại tướng cầm quân và chỉ huy trận đánh như trong sử sách. Cuộc ác chiến kéo dài. Quân của Tom đại thắng. Khi hai đội quân xếp hàng rời trận địa, thì Tom trở về nhà một mình. Trận đánh giả của lũ trẻ cn thị trấn Xên Pitoxbơ diễn ra như thật. Hàng loạt từ ngữ nhà binh được tác giả đưa vào vừa gợi tả được không khí chiến trận, vừa làm nổi bật được chất phiêu lưu mạo hiểm chinh chiến của Tom và lũ bạn. Nào là “chiến binh, chỉ huy, đại tướng, tác chiến, sĩ quan tùy tùng”. Nào là “ác chiến, đại thắng, tử trận, trao đổi tù binh, điều khoản, tác chiến”, v.v... Tom xuất hiện trên chiến trường rất oai vệ: ngồi trên mô đất cao chỉ huy, thông qua sĩ quan tùy tùng điều khiển lũ tiểu yêu xung trận. Khi trận đánh kết thúc, là kẻ chiến thắng, Tom trở về nhà một mình. Tất cả đều thể hiện phong độ cầm quân của một đại tướng, một vị anh hùng có tài thao lược và dạn dày chiến trận!

Trận đánh giả mà *tả như thật*, rất sống động, đã làm nổi bật “vai trò” của Tom trong chúng bạn, là đứa “cầm đầu” lũ tiểu yêu trong làng, nô đùa và nghịch như giặc! Là một đại tướng cầm quân, là kẻ chiến thắng, Tom được miêu tả bằng những nét sắc sảo, hiếu động, thích phiêu lưu, chú luôn luôn muốn “tháo cũi sỗ lông” ra khỏi khuôn khổ chật hẹp, tù túng của gia đình và “Trường học Chủ nhật” thị trấn Pitoxbơ.

Vị đại tướng rời trận địa trong ánh hào quang chiến thắng lại lao vào một cuộc phiêu lưu mới, *cuộc phiêu lưu tình yêu*. Xưa kia hiệp sĩ Đôn Kihôtê chả là đã có tình nhân xinh đẹp – công nương Đuyên Xineá đó sao? Là một anh hùng hảo hán, Tom có kém ai, chú cũng có cô bé Amy Lôrenxơ một tình nhân “đắm đuối mê say” mà chú tự hào cho “mối tình của mình như một cái gì thiêng liêng ghê gớm”. Phải mất mấy tháng ròng để chinh phục cô nàng. Hạnh phúc chỉ có “vẹn vẹn 7 ngày ngắn ngủi”, giờ đây đó chỉ là chút tình vụn thoảng qua, và hình ảnh Lôrenxơ đã rời khỏi trái tim chú như người khách lạ sau khi tình cờ ghé thăm. Vừa ra khỏi bãi chiến trường, Tom thoáng gặp cô bé Bécky - tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng - vị anh hùng vừa đại thắng chưa bắn một phát súng nào đã ngã gục. Chú bé miền Tây này cảm thấy mình đã lớn, cũng muốn sống và hành động theo các anh hùng hảo hán, các trang hiệp sĩ trong các sách phiêu lưu mà chú đã ngốn qua. Tom “mê tít, lắm lết nhìn nàng tiên mới giáng trần kia”. Phải chiếm bằng được trái tim người đẹp. Phải trở tài để cho cô nàng “mắt xanh biếc” có “bộ tóc vàng tết thành đôi bím dài”, mặc áo trắng mùa hè và chiếc quần thêu kia “phải khâm phục”. Giọng văn càng trở nên hóm hỉnh, khi tác giả nói về hình ảnh Tom đang nhào lộn khoe tài. Con gà trống thì cất tiếng gáy, khoe cái mào đỏ tía với mái tơ. Con công trống thì vừa múa vừa xoè bộ lông sắc sỡ trước con công mái đang ngẩn ngơ “tổ họ”. Còn Tom cũng vậy, “ra sức trở tài bằng đủ trò trẻ con nực cười” để chinh phục nàng “mắt xanh biếc”. Lúc thì chú ta biểu diễn “một

ngón nhào lộn nguy hiểm”, lúc thì chú ta “liếc mắt” nhìn theo cô bé. Giữa lúc “cái trò điên rồ lố lăng đó” đang diễn ra thì nàng tiên đi vào trong nhà. “Tom bước tới ngã người vào hàng rào, buồn rầu”. Lại “hy vọng” khi thấy cô bé nán lại chốc lát. Chú “thờ dài đánh sượt một cái” khi người đẹp đặt chân lên ngưỡng cửa. Và rồi “nét mặt chú bỗng tươi hẳn lên” khi chú ta nhìn thấy “cô bé vút qua hàng rào một bông hoa păng xê”. Nhà văn đã dành cho bạn đọc bao thú vị để mím cười khi ngắm nhìn chú Tom làm trò lố lăng để chinh phục mỹ nhân. Người đẹp tặng hoa vị đại tướng sao lại “vút qua hàng rào”, thật chẳng nhẽ một tí nào! Thế nhưng, Tom nhặt tặng phẩm ấy rất phong tình, độc đáo. Chú chạy vòng quanh đến cách bông hoa độ vài bước thì dừng lại. Chưa nhặt tặng phẩm vội, chú nhặt một cọng rơm và làm xiếc “ngửa mặt lên trời, giữ cho cọng rơm được thẳng bằng, lác người nhích dần đến hoa păngxê. Rồi chú đè bàn chân đi đất của mình lên bông hoa, dùng ngón chân khéo léo quặp lấy vật báu kia rồi cứ thế nhảy lò cò đi thẳng”. Ai mà được mục kích cảnh chú tom nhặt hoa của người đẹp chắc chắn phải ôm bụng phì cười. Cũng nên nghĩ tới đôi chân trần của chú ta vừa mới đi tắt qua con đường nhỏ sau chuồng bò dì Poly. Chẳng sạch sẽ một tí nào thế mà giờ đây chú dùng những ngón chân ấy để “nâng niu” tặng phẩm của người đẹp! Hải hước hơn nữa, chú cũng học đòi người lớn, làm theo các hiệp sĩ xa xưa, chú “nhét bông hoa vào bên trong áo, gần ngay trái tim”. Thật hóm hỉnh khi tác giả hạ một câu: “... gần ngay trái tim – hay gần dạ dày chưa biết chừng vì chú không hiểu biết lắm về các bộ phận trong cơ thể con người, và được cái cũng chẳng lấy gì là khó tính”. Đứa cháu của dì Poly đến “Trường Chủ nhật” chỉ chơi, làm đầu trò cho lũ bạn, nào có để tâm mấy đến chuyện học hành. Chú chỉ lo mãi mê chinh chiến. Một tá bi, một thằng lính chì, hai con nòng nọc, một khẩu đại bác bằng lõi chì, vân vân, đây là gia tài, là thế giới mê say của Tom, vì thế, chú nào có biết tim ở đâu, dạ dày con người ở đâu! Rắc rối quá! Và lại biết để làm gì? Nó chẳng giúp ích gì cho chú trong các cuộc mãi mê chinh chiến và yêu đương này.

Người đọc mím cười tự hỏi: Cô bé Bécky đã khâm phục và “phải lòng” Tom nên đã tặng hoa? Hay là thương hại, chế giễu vị đại tướng đa tình đi chân đất? Cuộc tình nào mà chẳng có ả số? Trong cái dư vị ngọt ngào mà đóa hoa păng xê của người đẹp ban tặng Tom đã quay trở lại hàng rào tiếp tục “trở tài” cho đến sẩm tối. Thật buồn cười vì cô bé chẳng lộ mặt ra một lần nào nữa nhưng Tom cứ đinh ninh là người đẹp đứng nấp sau một cửa sổ nào đó nhìn ra... Đây là “mối tình thứ 2” của chú sao chú khờ khạo và ngờ nghệch thế! Chú bé thị trấn Xên Pitoxbơ đang tìm hiểu, đang học đòi những thiên diễm tình của các hiệp sĩ – công nương mà chú đọc được trong sách. Chú đã về nhà “trong đầu óc đáng thương tràn đầy ảo ảnh” và cả buổi tối ấy chú “vui như sáo” đã làm cho dì Poly phải ngạc nhiên.

Cái tài của Mac Tuên là đã diễn tả rất hay những trò chơi phiêu lưu của trẻ con Bắc Mỹ, đã vẽ rất thần tình sự vụng dại, khờ khạo của một đứa trẻ miền Tây cảm thấy mình đã lớn, tập là người lớn, nhưng vẫn chưa thoát “lốt” trẻ con, dấn thân vào các cuộc phiêu lưu tình ái. Trước cái vụng dại, khờ khạo, hồn nhiên của Tom, nhà văn độ lượng mím cười

sống lại tuổi thơ trong sáng và sôi nổi của mình bên dòng sông Mixixipi thưở nào. Ta cảm thấy ông đang mỉm cười, nheo mắt nhìn chú Tom nhào lộn, làm trò và nhặt hoa păngxê của người đẹp vút qua hàng rào! Với tâm lòng nhân hậu bao dung, với giọng văn kể chuyện hài hước, ông đã đem đến cho chúng ta những chuyện vui nực cười của trẻ con miền Tây nước Mĩ.

Nền văn học Mĩ, con người và đất nước Mĩ còn xa lạ và mới mẻ đối với số đông trong chúng ta. Những Tom Xoyo, Hắc

Fin và bạn bè của họ, những trò chơi, những cảnh sắc miền Tây và dòng sông Mixixipi còn rất ngỡ ngàng đối với chúng ta.

Chỉ có điều, đọc “Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo” ta cảm phục Mac Tuên là một nhà văn có biệt tài, rất yêu trẻ con và kể chuyện rất hóm hỉnh về thế giới trẻ con./.

Bài đọc tham khảo

Bậc thầy của văn học trào phúng: Mac Tuên.

Chúng ta đã làm quen với Mac Tuên và cuộc sống phiêu lưu sông nước thời niên thiếu của ông bên dòng Mixixipi. Mac

Tuên còn là bậc thầy của văn học trào phúng Mỹ và thế giới, đặc biệt với cuốn tiểu thuyết giang hồ “Những cuộc phiêu lưu của Hắc Fin”.

Nhà văn Mỹ lỗi lạc Hêminguây đã đánh giá tác phẩm ấy như sau: “Tất cả văn học Mĩ hiện đại đều xuất phát từ cuốn sách

của Mac Tuên tên là “Hắc Fin”. Đó là tác phẩm hay nhất của chúng ta. Tất cả những gì trước tác ở Mỹ đều từ đó mà ra. Trước đó không có gì. Từ sau đó, không có gì cho đến nay hay bằng”

Cuốn tiểu thuyết xuất bản năm 1884 làm sống lại thời Mỹ còn là đất thuộc địa của Anh, chưa độc lập. Tác giả chọn khung cảnh lưu vực hai con sông nhánh Missiri và Ô haiô với cuộc sống bạo lực của dân tứ chiếng trong các phố xá tòi tàn mới xuất hiện. Câu chuyện kể về chú bé Hắc Fin tiêu biểu cho thiếu niên thời ấy. Bộ cậu là một người thiếu nhân phẩm, dân rượu chè.

Chú bị bỏ rơi, tuy được một số người tốt bụng nuôi dạy. Chú cùng bạn Tom Xoyo tìm ra của cải do bọn cướp cất giấu. Bỏ

đánh hơi biết, bắt chú đến ở một lều hoang bên sông để tính đường nã của. Hắc trốn được lên một đảo hoang giữa sông, gặp

Gim, một thanh niên nô lệ da đen cũng đang đi trốn. Câu chuyện của họ trôi theo dòng sông, trên một cái mảng, với những cuộc đột nhập vào những khu dân cư hai bên bờ. Áng văn cổ điển Mỹ này miêu tả các mùi vị, tiếng động, các thổ ngữ và

nhịp sống trên sông. Những cuộc gặp gỡ của Hắc và Gim với những diễn viên gánh hát lang thang, bọn bịp bợm trộm cắp, lũ người hành hạ dân da đen, bọn quý tộc miền Nam, là những đòn đả kích vào một xã hội thối nát, vô luân, với những đầu óc nghèo nàn. Qua Gim và qua kinh nghiệm bản thân mình, Hắc đọc được rất nhiều về nhân phẩm. Gim lại bị bắt lại, nhưng Hắc

sẽ lại cứu Gim thoát. Câu chuyện kết thúc với một viễn ảnh buồn buồn: Hắc sẽ phải trở lại trường đi học, nhưng vẫn mơ ước

đến sống với người da đỏ. Tác giả lên án nền đạo đức mù quáng của một xã hội chủ trương bảo tồn chế độ nô lệ đang tan rã.

Cũng như truyện “Du ký của Gulivo” do tác giả Anh Swift viết, tác phẩm của Tuên đồng thời là đề tài khiến và cũng để

chế giễu nhân loại điên rồ và nhỏ nhen. Có điều khác là Swift thì cay độc và trắng trợn còn trong cái cười cợt của Tuên vẫn

còn lảng cái ưu buồn của một tâm hồn vẫn còn tin vào lý tưởng, ngay cả trong những tác phẩm cuối đời rất bi quan.

Có thể coi “Những cuộc phiêu lưu của Hắc Fin” là phần tiếp cuốn tiểu thuyết “Những cuộc phiêu lưu của Tom Xoyo”

1876, viết trước đó 8 năm. Tom, bạn của Hắc là một cậu bé sắc sảo, có cá tính tinh nghịch. Cậu sống với bà

cô Poly trong

một xã hội công thức cũng được mà sống lâu lâu với cậu bé vô gia cư Hắc Fin cũng hợp. Một đêm sáng trăng, chúng rủ nhau ra nghĩa địa để *chữa chai chân* bằng một con mèo chết. Tình cờ chúng được chứng kiến một tên lưu manh là Jô giết người. Nhưng một người là Poto lại bị kết án oan. Hai em bé sợ Jô không dám nói lên sự thật; trốn đi ở một hòn đảo; chúng qua mấy ngày hút thuốc lá và nói tục. Khi chúng về thành phố thì mọi người tưởng chúng đã chết, đang đọc điều tang khen ngợi chúng. Ở phiên tòa xử Poto, Tom nói lên sự thật để minh oan cho Poto. Jô trốn thoát. Về sau, Tom và người yêu lạc vào trong động, nơi tên sát nhân Jô ẩn náu. Tom cùng người yêu trốn thoát và sau lộn lại tìm được kho vàng Jô chôn ở đó.

Mac Tuên (1835 – 1910) là bút danh của S.L.Clemonx. “Mac Tuên” là từ chuyên môn của những người lái tàu thủy trên sông Mixixipi, có nghĩa là “Hải sai – 4m”, độ sâu an toàn cho tàu đi được. Ông làm thợ in, hoa tiêu trên sông Mixixipi, lính, thợ mỏ, người tìm mỏ, nhà báo. Tác phẩm đầu tiên nổi tiếng của ông là “Con ếch nhảy trừ danh của hạt Calavarax” 1865,

một câu chuyện cổ được viết lại một cách châm biếm. Hai cuốn truyện phiêu lưu về Tom Xoyơ (1876) và Hắc Fin (1884) là những tác phẩm hầu như thanh thiếu niên nước nào cũng biết, gọi lại thời thanh thiếu niên gian khổ của tác giả. “Những người ngây thơ ở nước ngoài” (1869) là một tập du ký trào phúng. Sau khi chuyển sang ở tại miền Đông (1867), Tuên viết nhiều tác phẩm trào phúng phê phán xã hội. Cuốn tiểu thuyết “Thời đại hoàng kim” (1873) phân tích quá trình công nghiệp hoá và ảnh

hưởng của nó đến con người, ông phê phán xã hội Mỹ những năm tranh nhau làm giàu ở Mỹ cuối thế kỷ 18.

Khi đã có tuổi,

Tuên cũng phê phán sâu sắc hơn nhưng sai trái của thời đại, lên án nền độc tài của Sa hoàng, tính chất vô nhân đạo của thực

dân ở Cônggô, đế quốc Mỹ ở Cuba và Philippin, chiến tranh đế quốc ăn cướp, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, đầu cơ, tôn giáo, giả đạo đức... Tuên thích cười và rờn, những mỗi câu chuyện của ông lại là một tấn bi kịch. Ông còn mở đường cho chủ nghĩa tự nhiên trong văn học.

Hữu Ngọc

“*Hồ sơ văn hoá Mỹ*”- “*NXB Thế giới, tr.588-591*”

Tác giả

M.Gorki (1868-1936) là bút danh của Pêscôp. Một tuổi thơ nhiều bất hạnh. Lên 3 thì bố mất, lên 10 thì mồ côi mẹ. Ở với

ông bà ngoại. Bà ngoại thương cháu, thuộc nhiều dân gian Nga, đã khơi dậy trong lòng cháu *niềm say mê văn học*. Ông ngoại đã sớm chỉ cho cháu *biết cái gai góc của cuộc đời, không thể sống đơn giản*. Phải bỏ học từ năm lên 10, đi khắp nhiều nơi để kiếm sống. Năm 24 tuổi bắt đầu viết văn. Năm 30 tuổi đã có tuyển tập truyện ngắn, nổi tiếng khắp nước Nga và châu Âu. Năm 1934, Gorki là Chủ tịch Hội Nhà văn Liên Xô.

Văn hào Gorki để lại một sự nghiệp văn chương đồ sộ: trên 20 vở kịch, tiểu thuyết *bộ ba Tự thuật, Người mẹ, cuộc đời*

Klim Xamghim và nhiều tập truyện ngắn khác... Trang văn của ông thấm đượm tinh thần nhân văn, ca ngợi vẻ đẹp và tâm

vóc con người đang hướng tới tương lai.

Phân tích truyện “Một con người ra đời” của Gorki

Truyện “*Một con người ra đời*” được Gorki viết vào năm 1912. Tác giả kể lại một câu chuyện “đỡ đẻ” đã xảy ra 20

năm về trước. Truyện thấm đẫm một ý vị triết lý sâu sắc về tình đời, không chỉ nói lên thiên chức cao quý của người phụ nữ

mà còn khẳng định một tư tưởng – tác giả đã viết ở trong phần đầu truyện: “*Cao cả thay cái chức vị là*

*người trên trái
đất...”*

1. Cảnh sắc thiên nhiên một vùng núi và biển nơi có con đường men qua từ vùng Xu khum về phía O tsemtsiry. Mùa thu năm 1892, một năm đói kém, đoàn mugich trên đường kiếm việc làm, nối đuôi nhau kéo đi. Thiên nhiên tráng lệ xa lạ làm cho họ phải “ngạc nhiên, lóa mắt”. Tưởng như lạ lẫm và lạc điệu! Dòng sông Kodor bọt nước tung “trắng xóa”. Sóng biển vỗ rì rào... ì ầm”. Rừng đẽ nhuộm một màu “vàng rực”: Mây màu khói đang trườn đi trên các sườn núi “màu lục”. Chim gõ kiến vùng núi nửa đỏ, nửa vàng, mỏ đen đang nhảy nhót rồi rít bắt sâu. Sơn tước lấu linh, nhận núi xám lam tha hồ bắt mồi. Có lúc nhà văn thốt lên ngợi ca “Về mùa thu, cảnh Kapkaz giống như một thánh đường tráng lệ dựng lên do những bậc hiền triết”...

họ đã treo lên các sườn núi những tấm thảm đẹp nhất...

Những cảnh vật đầy màu sắc và âm thanh trên đây như một cái phông, cái nền của tạo hóa bày ra, trang trí ra để chuẩn bị

đón một con người ra đời. Cảnh vật thiên nhiên đẹp quyền rũ được con người hân hoan tiếp nhận. Vẻ đẹp ấy là của Tạo hóa

ban tặng cho người mẹ sắp “khai hoa”. *Một cuộc sinh nở vĩ đại đã được cả đất trời, sông núi, cỏ cây, chim chóc tung bừng chào đón.* Sắc điệu trữ tình dào dạt qua đoạn văn “tiền tấu” mang hàm nghĩa ý vị chất thơ ngợi ca một em bé ra đời.

2. *“Cuộc sinh nở nào đau đớn vậy”.* Có nhà thơ đã hát lên như thế!

Cuộc đau đẻ mới dữ dội làm sao! Chính chị nông dân trẻ tuổi có đôi gò má cao, cái bụng chứa phurôn tương lên đang nhô

lên trên cái bụi rậm. Người chồng trong đói khát vì ngón nhiều trái cây quá lẫn ra chết cách đây vài hôm. Đồng bọn của chị đã

đi xa rồi. Người mẹ đau đẻ “rên khe khẽ trong bụi rậm”. Mọi tiếng rên của người “bao giờ cũng làm lòng ta sao động như

trước một cái gì ruột rà thân thuộc”. Nhân vật “tôi” – chàng trai xa lạ đã xuất phát từ tình cảm ấy mà không nỡ bỏ đi! Cảnh

đau đẻ và nỗi đau đớn vật vã được miêu tả bằng nhiều chi tiết rất hiện thực. “Miệng thì méo xệch”, mắt trợn ngược lên, chị

thờ dờ dội, lấy hai tay giữ lấy bụng... khẽ gầm gừ... Đau quá, chị ta nhổ một bụi cỏ úa, cố nhét nó vào mồm... “Chị cất tiếng chửi té tát xua đuổi chàng trai xa lạ đang lẫn vào đỡ đẻ cho chị. Lòng tốt của con người

đã bỏ ngoài tai mọi lời tục tằn

mà chỉ hướng tới một con người ra đời” khi mẹ nó đang “vượt cạn” bỡ vơ giữa một nơi mênh mông xa lạ!

Đây là một cảnh

đời chan chứa yêu thương: “Tôi: đỡ lấy đứa bé và trông chừng cho chị đừng dứt nắm cỏ vào mồm méo xệch đang gặm gừ...”

chị thì chửi vì đau và chắc cũng vì xấu hổ, còn tôi thì vì ngượng nghịu luống cuống và vì thương chị quá chừng...” - Cảnh đau

đẻ được miêu tả rất chân thực, có gì đó như sống sít, thô mộc. Nhưng bao trùm lên tất cả tình người, là sự san sẻ cứu mang. Trang văn cũng là trang đời khơi bùng lên ngọn lửa ấm áp của tấm lòng nhân ái bao la.

3. Một con người - đồ hồn đã ra đời. Chàng trai đỡ đẻ từ chỗ lòng đau thắt lại đã sung sướng tột độ khi bế trên tay bé hài

nhi “đỏ hồng”. Đứa bé cất tiếng “Ya... Ya...” chào đời. Người đỡ đẻ chia vui cùng người mẹ say mê ngắm nhìn “tác phẩm

mới của tạo hóa”. Đứa bé “mắt nó màu xanh nhạt, mũi nó tẹt..., mặt đỏ tía; nhãn nhỏ, đôi môi nó mấp máy...”. Rất hóm hỉnh

khi nhà văn viết: “nó đỏ hồng và chưa chi đã bắt mắt với cuộc đời rồi, nó vùng vằng, giãy đạp và hét tướng lên, tuy cuống rón

vẫn còn dính vào mẹ”. Người đỡ đẻ quỳ gối lên, nhìn hài nhi mà cười lớn: *“rất mừng được gặp chú bé”.* Có

thể nói đó là

một câu hát chào mừng một em bé ra đời, cũng là lời chúc mừng người mẹ đã làm trọn thiên chức cao quý của mình.

Tiếp đó, nhà văn dành cho người mẹ những tình cảm đẹp nhất. Niềm hạnh phúc và vui sướng của người mẹ được đặc tả

qua đôi mắt, nụ cười và gương mặt. Đứa bé ra đời làm cho “người gần người hơn”. Người mẹ không chửi mắng và xua đuổi chàng trai xa lạ nữa, mà trái lại ra lệnh cho người đỡ đẻ đầy tin cậy như trao cho một nghĩa vụ thiêng liêng: “Cắt đi... lấy dao... mà cắt... dây trong... túi... buộc rón lại...”

Đứa con ra đời, người mẹ như trẻ lại. Chị “mim cười” đôi mắt sâu thẳm “tươi rói lên”, và “cháy bùng lên một ngọn lửa xanh biếc”. Người đỡ đẻ thì cười lớn còn người mẹ thì nụ cười... mỗi lúc một thêm rạng rỡ; nụ cười ấy đẹp để chói lọi đến

nổi tôi gần như lóa mắt”. Có nhìn thấy, cảm thấy nỗi đau đẻ mới cảm nhận được nỗi vui sướng tốt độ khi “khai hoa”, giây

phút đầu tiên sản phụ nhìn thấy gương mặt con, nghe tiếng con chào đời. Người đọc có cảm giác nhà văn trẻ này đã đem hết

tình thương và vốn từ ngữ giàu có của mình để ca ngợi niềm vui sướng hạnh phúc của người mẹ trẻ lần đầu tiên sinh nở được một đứa con yêu quý. Thật đúng là “Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên?” (Chế Lan Viên).

Khi đứa bé đã nằm trong lòng mẹ, bú dòng sữa ngọt lành của mẹ, người mẹ khẽ cất tiếng nguyện cầu: “Lạy Đức Mẹ Chí

thánh, Chí trinh... Đợi ơn Người, Đức Mẹ Chí trinh... ôi... xin tạ ơn Người”. Đôi mắt của người mẹ trở nên “đẹp vô cùng”,

đó là “đôi mắt thân thánh...”. Sống trong niềm tin thánh thiện và chất phác, người mẹ vô cùng sung sướng: “Xanh biếc, đôi

mắt nhìn lên bầu trời xanh biếc, trông đôi mắt bùng lên và hòa tan, một nụ cười hoan hỉ biết ơn; nhắc cánh tay nặng trĩu, người

mẹ chậm rãi làm dấu cho mình và cho con”...

Mọi đau đớn của con đau đẻ bỗng chốc bị xua tan. Cuộc đời lo toan về cơm áo hầu như được quét sạch! Niềm hạnh phúc

của người mẹ như đang được đất trời hát ca: “Cả con chim gì kì diệu đang khẽ hót lên” trong lồng ngực chàng trai “đỡ đẻ”. Sóng biển rì rầm nghe du dương không biết chán. Tiếng suối xa gần róc rách “như tiếng một thiếu nữ thủ thi kể chuyện người

yêu với bạn gái mình”. *Lần thứ hai trong truyện ngắn này, Gorki đã dành cho thiên nhiên những tình cảm nồng hậu nhất.* Thiên nhiên xuất hiện trong vẻ đẹp kiêu diễm và mơ màng của một nhân vật trữ tình nhằm *biểu dương sự vĩ đại của người mẹ - Đáng sáng tạo ra cả Anh hùng và Nhà thơ.*

Cảnh “chôn nhau” vào sâu trong lòng đất, người mẹ cũng như người đỡ đẻ những thế hệ đi trước như gửi gắm vào đứa bé

mới ra đời bao tình thương mến, nâng niu. Người mẹ vĩ đại “Thật khoẻ kinh khủng”. Còn đứa con chào đời với một tư thế rất

đẹp, rất đáng yêu: “Đáng người đở hỏn này tuyệt nhiên chẳng cần ai cần thận hết: nó siết chặt nắm tay và cứ thế gào mãi, như

thể thách ai đánh nhau”. Tuy người đỡ đẻ bằng tình thương và kinh nghiệm sống của đời mình đã nói với chú bé đở hỏn: “Chú

mày phải tự khắng định cho khỏe vào mới được, chứ không thì kẻ đồng loại sẽ vặt cổ chú mày!...”; nhưng chứa đầy tin tưởng

vào con người, vào những thế hệ mai sau, như Gorki từng tuyên bố: “Tất cả ở trong con người, tất cả vì con người!”.

Màu sắc lãng mạn như chấp cánh bay lên khi người mẹ cất tiếng nguyện cầu “Đức Mẹ Chí thánh, Chí trinh”, khi nhà văn tả

chú bé hài nhi nằm ngủ sau khi đã bú mẹ: “Nó nằm trên một lớp lá thu vàng rực, dưới một bụi cây không hề mọc ở tỉnh Oren

bao giờ”. Một không gian nghệ thuật thắm đẫm màu sắc hoang sơ thần thoại, nó như dẫn hỏn ta trôi dạt về